

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1376** /BTC-CST

Hà Nội, ngày **02** tháng **02** năm 2026

V/v dự thảo Thông tư quy định về chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa

Kính gửi:

HOÀ-TỐC

Ngày 09/9/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam, trong đó tại khoản 9 Điều 4 của Nghị quyết quy định: “9. Chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa được áp dụng như các quy định về thuế đối với chứng khoán cho đến khi có chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam”. Đồng thời tại điểm d khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết quy định: “Bộ Tài chính chủ trì hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa tại Nghị quyết này”.

Căn cứ quy định nêu trên và quy định của pháp luật thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân) đối với chứng khoán, Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Thông tư quy định về chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa như các chính sách thuế đang áp dụng đối với chứng khoán hiện hành theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Đề nghị Quý cơ quan có ý kiến tham gia về dự thảo Thông tư. Ý kiến xin gửi về Bộ Tài chính **trước ngày 07/02/2026** để kịp tổng hợp, ban hành Thông tư (đồng thời gửi file về địa chỉ: phanthihongnhung@mof.gov.vn; điện thoại: 0986456515).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan, đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị: CT, UBCKNN, QLKT, PC;
- Lưu: VT, CST (TN). **✓ (6b)**

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

DANH SÁCH CƠ QUAN, ĐƠN VỊ GỬI LẤY Ý KIẾN

I. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Bộ Khoa học và Công nghệ;
2. Bộ Tư pháp;
3. Ngân hàng nhà nước Việt Nam,
4. Bộ Công an;
5. Bộ Công Thương;
6. Bộ Nội vụ;
7. Bộ Ngoại giao.

II. Ủy ban nhân dân

1. UBND TP. Hà Nội;
2. UBND TP. Hồ Chí Minh;
3. UBND TP. Đà Nẵng.

III. Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

IV. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

V. Hiệp hội Blockchain và Tài sản số Việt Nam

THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Quy định về chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa

(Kèm theo công văn số 1376/BTC-CST ngày 02/02/2026 của Bộ Tài chính)

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BAN HÀNH THÔNG TƯ

Ngày 09/9/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam, trong đó tại khoản 9 Điều 4 của Nghị quyết quy định: “9. Chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa được áp dụng như các quy định về thuế đối với chứng khoán cho đến khi có chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam”. Đồng thời tại điểm d khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết quy định: “Bộ Tài chính chủ trì hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa tại Nghị quyết này”.

Tại khoản 3 Điều 2 Quyết định số 3902/QĐ-BTC ngày 20/11/2025 của Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam giao Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trình Bộ ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách thuế trên thị trường tài sản mã hóa theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Căn cứ các nội dung nêu trên, tại dự thảo Thông tư quy định về chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa như các chính sách thuế đang áp dụng đối với chứng khoán hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Mục đích và quan điểm ban hành Thông tư

- Việc xây dựng dự thảo Thông tư phù hợp với quy định về thuế đối với chứng khoán tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và các văn bản hướng dẫn.

- Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật

về thuế, tự giác nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào ngân sách nhà nước (NSNN).

2. Căn cứ ban hành Thông tư

- Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15;
- Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15;
- Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12, đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 26/2012/QH12 và Luật số 71/2014/QH13;
- Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN;
- Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;
- Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam;

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA THÔNG TƯ

Dự thảo Thông tư quy định về chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bố cục dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư được bố cục gồm 8 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2: Đối tượng áp dụng.
- Điều 3: Chính sách thuế giá trị gia tăng.
- Điều 4: Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Điều 5: Chính sách thuế thu nhập cá nhân.
- Điều 6: Thời điểm xác định doanh thu, thu nhập.
- Điều 7: Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư

Khoản 9 Điều 4 của Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP quy định: “9. *Chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa được áp dụng như các quy định về thuế đối với chứng khoán cho đến khi có chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam*”.

Theo quy định của pháp luật thuế hiện hành thì chính sách thuế áp dụng đối với chứng khoán bao gồm: thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN. Đồng thời, tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP chỉ quy định về chính sách thuế đối với *giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa*, không đề cập đến hoạt động phát hành. Do đó, dự thảo Thông tư quy định về chính sách thuế (thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN) đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa như đối với chứng khoán hiện hành. Các nội dung quy định tại dự thảo Thông tư cụ thể như sau:

2.1. Về chính sách thuế giá trị gia tăng

Tại điểm c và điểm d khoản 9 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 và tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định đối tượng không chịu thuế GTGT bao gồm:

“4. *Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán, thương mại sau đây:*

...

c) *Kinh doanh chứng khoán bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán.*

d) *... chuyển nhượng chứng khoán...*”

Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 77/2025/TT-BTC ngày 30/7/2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết các dịch vụ kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng chứng khoán theo Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT quy định về các dịch vụ kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng chứng khoán thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“Điều 3. Các dịch vụ kinh doanh chứng khoán tại điểm c khoản 4 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP

1. *Môi giới chứng khoán tại công ty chứng khoán; nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân, quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán, dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán tại công ty chứng khoán; dịch vụ giao dịch chứng khoán, dịch vụ kết nối trực tuyến, dịch vụ sử dụng thiết bị đầu cuối tại Sở giao dịch chứng khoán; dịch vụ vay và cho vay chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, xử lý lỗi, sửa lỗi sau giao dịch, quản lý tài*

sản ký quỹ, quản lý vị thế tại thành viên lưu ký, thành viên bù trừ, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con; thanh toán gốc, lãi, tiền mua lại trái phiếu Chính phủ, công trái Xây dựng Tổ quốc, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, tín phiếu kho bạc.

2. Tự doanh chứng khoán tại công ty chứng khoán; đầu tư, góp vốn, phát hành, chào bán các sản phẩm tài chính, chứng quyền có bảo đảm; giao dịch tạo lập thị trường.

3. Bảo lãnh phát hành chứng khoán, các dịch vụ gắn với nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo quy định tại khoản 3 Điều 86 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và được thể hiện trên hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán.

4. Tư vấn đầu tư chứng khoán.

5. Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

6. Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Điều 4. Chuyển nhượng chứng khoán tại điểm d khoản 4 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP

1. Chuyển nhượng chứng khoán thực hiện qua hệ thống giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán; chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán; chuyển khoản chứng khoán.

2. Đấu giá, đấu thầu, chào bán cạnh tranh, dựng số.”

Căn cứ các quy định nêu trên, tại Điều 3 dự thảo Thông tư quy định:

“Điều 3. Chính sách thuế giá trị gia tăng

1. Chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

2. Đối với các dịch vụ không quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng”.

2.2. Về chính sách thuế TNDN

Tại điểm a khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 quy định về thu nhập khác, bao gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 quy định:

“1. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này và đối tượng được ưu đãi về thuế suất quy định tại Điều 13 của Luật này.

2. Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.

3. Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng”.

Điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN quy định:

“3. Thu nhập khác bao gồm:

a) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng quyền góp vốn quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Nghị định này, không bao gồm: Khoản thu liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu và cổ tức của cổ phiếu (trừ cổ tức của cổ phiếu thuộc loại nợ phải trả), bán cổ phiếu quỹ, cổ phiếu mua lại của chính mình và các khoản thu khác liên quan trực tiếp đến việc tăng, giảm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp”.

Điều 14 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 14. Thu nhập từ đầu tư chứng khoán

1. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

...

d) Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Xác định thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ đi giá mua của chứng khoán chuyển nhượng và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

a) Giá bán chứng khoán được xác định như sau:

a1) Đối với chứng khoán niêm yết và chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng thực hiện đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thì giá bán chứng khoán là giá thực tế bán chứng khoán (là giá khớp lệnh hoặc giá thỏa thuận) theo thông báo của Sở Giao dịch chứng khoán;

a2) Đối với chứng khoán của các công ty không thuộc các trường hợp nêu trên thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng;

b) Giá mua của chứng khoán được xác định như sau:

b1) Đối với chứng khoán niêm yết và chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng thực hiện đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thì giá mua chứng khoán là giá thực mua chứng khoán (là giá khớp lệnh hoặc giá thỏa thuận) theo thông báo của Sở Giao dịch chứng khoán;

b2) Đối với chứng khoán mua thông qua đấu giá thì giá mua chứng khoán là mức giá ghi trên thông báo kết quả trúng đấu giá cổ phần của tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần và giấy nộp tiền;

b3) Đối với chứng khoán không thuộc các trường hợp nêu trên thì giá mua chứng khoán là giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng;

c) Chi phí chuyển nhượng là các khoản chi thực tế liên quan trực tiếp đến việc chuyển nhượng, có chứng từ, hóa đơn hợp pháp, bao gồm: Chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng; các khoản phí và lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí; các chi phí giao dịch, đàm phán, ký kết hợp đồng chuyển nhượng và các chi phí khác có chứng từ chứng minh”.

Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN quy định:

“3. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các điểm b2, b3 và b4 khoản 1 Điều 2 của Nghị định này được tính theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế phát sinh tại Việt Nam. Cụ thể như sau:

...

g) Chuyển nhượng chứng khoán: 0,1%”.

Căn cứ các quy định nêu trên, qua rà soát quy định về các hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa và tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư tài sản mã hóa tại Việt Nam, tại dự thảo Thông tư quy định như sau:

“Điều 4. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Nhà đầu tư là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa thuộc đối tượng kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa trong kỳ được xác định bằng giá bán tài sản mã hóa trừ đi giá mua của tài sản mã hóa chuyển nhượng và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

2. Doanh nghiệp là tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại

Việt Nam có thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã thì thực hiện kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

3. Nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu chuyển nhượng từng lần”.

Nội dung được quy định tại Điều 4 dự thảo Thông tư.

2.3. Về chính sách thuế thu nhập cá nhân

Khoản 1 Điều 13 Luật Thuế TNCN số 04/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Luật số 71/2014/QH13 quy định:

5. Sửa đổi Điều 13 như sau:

“Điều 13. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn

1. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá bán trừ giá mua và các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn.

Đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập chịu thuế được xác định là giá chuyển nhượng từng lần”.

Khoản 2 Điều 23 Luật Thuế TNCN số 04/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Luật số 71/2014/QH13 quy định: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này áp dụng thuế suất 0,1%.

Điều 16 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính (sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư số 111/2013/TT-BTC) quy định:

“a) Thu nhập tính thuế

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định là giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

a.1) Giá chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

a.1.1) Đối với chứng khoán của công ty đại chúng giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán, giá chuyển nhượng chứng khoán là giá thực hiện tại Sở Giao dịch chứng khoán. Giá thực hiện là giá chứng khoán được xác định từ kết quả khớp lệnh hoặc giá hình thành từ các giao dịch thỏa thuận tại Sở Giao dịch chứng khoán.

a.1.2) Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên, giá chuyển nhượng là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá thực tế chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán

chuyển nhượng tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất theo quy định của pháp luật về kế toán trước thời điểm chuyển nhượng.

b) Thuế suất và cách tính thuế:

Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Cách tính thuế:

$$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần} \times \text{Thuế suất } 0,1\%$$

Căn cứ các quy định nêu trên, tại Điều 5 dự thảo Thông tư quy định:

“Điều 5. Chính sách thuế thu nhập cá nhân

Nhà đầu tư là cá nhân (không phân biệt cá nhân cư trú hay không cư trú) có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa qua nền tảng giao dịch tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu chuyển nhượng từng lần”.

Nội dung được quy định tại Điều 5 dự thảo Thông tư.

2.4. Về thời điểm xác định doanh thu, thu nhập

Điều 13 Luật Thuế TNCN số 04/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Luật số 71/2014/QH13 quy định:

5. Sửa đổi Điều 13 như sau:

“Điều 13. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn

1. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá bán trừ giá mua và các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn.

Đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập chịu thuế được xác định là giá chuyển nhượng từng lần.

2. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn là thời điểm giao dịch chuyển nhượng vốn hoàn thành theo quy định của pháp luật.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này”.

Khoản 2 Điều 8 và Điều 13 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN quy định:

“Điều 8. Doanh thu

....

2. Thời điểm xác định doanh thu

a) Đối với hoạt động bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá cho người mua.

b) Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua trừ trường hợp nêu tại khoản 3 Điều này.

c) Trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính”.

“Điều 13. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn

...

Thời điểm xác định thu nhập từ chuyển nhượng vốn là thời điểm chuyển quyền sở hữu vốn”.

Điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính quy định:

“c) Thời điểm xác định thu nhập tính thuế

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

c.1) Đối với chứng khoán của công ty đại chúng giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán là thời điểm người nộp thuế nhận thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

c.2) Đối với chứng khoán của công ty đại chúng không thực hiện giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán mà chỉ thực hiện chuyển quyền sở hữu qua hệ thống chuyển quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán là thời điểm chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

c.3) Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực...”.

Căn cứ các quy định nêu trên, tại dự thảo Thông tư quy định:

“Điều 6. Thời điểm xác định doanh thu, thu nhập

Thời điểm xác định doanh thu, thu nhập đối với chuyển nhượng tài sản mã hóa thực hiện theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng chứng khoán”.

Nội dung thể hiện tại Điều 6 dự thảo Thông tư.

2.5. Về hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

a) Về hiệu lực thi hành

Tại khoản 1 Điều 8 dự thảo Thông tư quy định hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành. Đồng thời, tại khoản 2 quy định: Các nội dung không hướng dẫn tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

b) Về tổ chức thực hiện

Tại khoản 3 Điều 8 dự thảo Thông tư quy định trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị người nộp thuế phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời.

3. Về thủ tục hành chính và nguồn lực, tài chính thực hiện Thông tư

a) Dự thảo Thông tư không quy định thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

b) Theo quy định của pháp luật về quản lý thuế thì người nộp thuế có trách nhiệm tự tính, tự kê khai, tự nộp, tự chịu trách nhiệm về số thuế phải nộp.

Bên cạnh đó, các nội dung quy định tại dự thảo Thông tư là nội dung quy định đối với chứng khoán đang thực hiện ổn định hiện hành.

Vì vậy, không phát sinh thêm nguồn nhân lực, tài chính thực hiện Thông tư./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: /2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

Quy định về chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 149/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12, đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 26/2012/QH12 và Luật số 71/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 359/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Chính sách thuế giá trị gia tăng

1. Chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

2. Đối với các dịch vụ không quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

Điều 4. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Nhà đầu tư là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa thuộc đối tượng kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa trong kỳ được xác định bằng giá bán tài sản mã hóa trừ đi giá mua của tài sản mã hóa chuyển nhượng và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

2. Doanh nghiệp là tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam có thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thì thực hiện kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

3. Nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu chuyển nhượng từng lần.

Điều 5. Chính sách thuế thu nhập cá nhân

Nhà đầu tư là cá nhân (không phân biệt cá nhân cư trú hay không cư trú) có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa qua nền tảng giao dịch tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu chuyển nhượng từng lần.

Điều 6. Thời điểm xác định doanh thu, thu nhập

Thời điểm xác định doanh thu, thu nhập đối với chuyển nhượng tài sản mã hóa thực hiện theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng chứng khoán.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.
2. Các nội dung không hướng dẫn tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị người nộp thuế phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Thuế tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn